

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-07-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Hoàng Mai.

Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị D, sinh năm: 1979. (có mặt).

Địa chỉ: số 423/3B, tổ 21, khóm K, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: công ty H, đường N, khóm 5, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bị đơn: ông Lâm Văn S, sinh năm: 1978. (vắng mặt).

Địa chỉ: số 423/3B, tổ 21, khóm K, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa nguyên bà Trần Thị D trình bày: bà và ông S sống chung vào năm 1995, hôn nhân do mai mối và tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2007, từ khi sống chung thì vợ chồng không hạnh phúc do ông S ăn chơi, rượu chè, ông S có đánh bà nhiều lần, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, bà cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không được, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông S.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Kim B, sinh ngày 14/09/1997 (đã thành niên) và Lâm Kim H, sinh ngày 10/12/2002, con chung tên H đang sống chung với bà D. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lâm Kim H, không yêu cầu ông Lâm Văn S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Lâm Văn S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của ông S đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: bà Trần Thị D yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn S. Ông S có nơi cư trú tại khóm K, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị D và ông Lâm Văn S xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do do ông S ăn chơi, rượu chè, ông S có đánh bà nhiều lần, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, bà đã hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, trong quá trình giải quyết vụ án bà D xác định không còn tình cảm với ông S nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, ông S cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà D.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà D xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông S, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Kim B, sinh ngày 14/09/1997 (đã thành niên) và Lâm Kim H, sinh ngày 10/12/2002, con chung tên H đang sống chung với bà D. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lâm Kim H. Hiện nay bà D đang làm công nhân may ở Công ty H, đường N, khóm 5, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang mức lương khoảng 5.500.000 đồng/tháng đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà D và ông S không còn chung sống với nhau thì cháu H vẫn sống chung với bà D cho đến nay, cháu vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông S cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà D. Cháu H sống với bà D cháu đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt, học tập. Để đảm bảo cuộc

sống ổn định cho cháu H, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trần Thị D không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà D trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: bà D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị D được ly hôn ông Lâm Văn S. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 150/MH/2007 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hòa cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: bà Trần Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Kim H, sinh ngày 10/12/2002.

Ông Lâm Văn S không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận bà Trần Thị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Trần Thị D và ông Lâm Văn S vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000876 ngày 20/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà D đã nộp xong.

Bà Trần Thị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lâm Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên